

KINH QUANG TÁN

QUYỂN 5

Phẩm 11: MA-HA-TAUT

Khi ấy Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ý nghĩa của danh hiệu Bồ-tát là gì? Hưởng đến chỗ nào?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Không có ý nghĩa là danh hiệu của Bồ-tát. Vì sao? Bồ-tát ấy không có dấu vết của ý nghĩa, không có tôi ta, cho nên nói không có ý nghĩa là danh hiệu của Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Ví như chim bay trong hư không không có dấu chân.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, muốn cầu ý nghĩa của Bồ-tát là không thể có.

Ví như trong mộng không có dấu vết.

Này Tu-bồ-đề! Như vậy, muốn cầu ý nghĩa Bồ-tát cũng không có cái để nắm bắt, giống như huyễn biến, ảo ảnh, tiếng vang, hình bóng. Sự biến hóa của Như Lai không có dấu vết.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, muốn cầu ý nghĩa của Bồ-tát là không thể có.

Này Tu-bồ-đề! Giống như cái mà không có cội gốc thì không có dấu vết. Lại quán sát pháp giới thì cũng không có cội gốc. Pháp của pháp ấy tịch nhiên không có dấu vết. Như vậy, Bồ-tát không có ý nghĩa, giống như bản tế không có ý nghĩa.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không có ý nghĩa, giống như người do nhà ảo thuật biến hóa ra, người ấy không có dấu vết. Người biến hóa ấy không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật là Bồ-tát không có ý nghĩa, ví như người huyễn không có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, tâm không dấu vết, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Ví như, muốn cầu pháp nội không thì không có dấu vết. Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, quán sát Bồ-tát không có ý nghĩa, ngã sở, chẳng phải ngã sở, khổ lạc, thiện ác. Nếu có cái có tự nhiên không thì cái hành ấy không có dấu vết Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng có thể đạt đến ý nghĩa của Bồ-tát. Thí như nhà ảo thuật hóa hiện bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật không có dấu vết.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật không có ý nghĩa Bồ-tát. Ví như hóa thân của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không có dấu vết.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật thì không có ý nghĩa Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Ví như Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không có dấu vết của pháp nội không.

Này Tu-bồ-đề! Như vậy, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Ví như ngã sở, chẳng phải ngã sở, khổ lạc, thiện ác và cái không sở hữu tự nhiên ấy không có dấu vết.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát không có ý nghĩa Bồ-tát vậy.

Này Tu-bồ-đề! Ví như Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật không có ý nghĩa Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Ví như Đức Như Lai không có bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Ví như cảnh giới vô vi, cảnh giới vô vi ấy không có dấu vết, còn cảnh giới hữu vi, cảnh giới hữu vi ấy cũng không có dấu vết.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Ví như chỗ không sinh khởi, không có dấu vết. Như thế, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát, cũng không có hành, không có tác giả, không có dấu vết. Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Giống như cái không thể nắm bắt được, không có trần lao, không có sân hận, không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như vậy, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như cái không chỗ phát khởi, chẳng có nơi chốn, không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như không có tranh tụng, chẳng bị sân hận, không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa Bồ-tát.

Hiện giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Sao gọi là không có sắc, không có chỗ phát khởi, không có dấu vết?

Đức Phật dạy:

–Sắc không có chỗ khởi; thọ, tưởng, hành, thức không có chỗ khởi thì không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như sắc không có trần lao, cũng không có sân hận, không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, các chủng, suy, nhập vốn không chỗ hưởng đến, không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như vậy, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như vậy, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như bốn Ý chỉ tự nhiên rốt ráo, vô vi đạt đến thanh tịnh, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, tự nhiên rốt ráo, vô vi đạt đến thanh tịnh, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như mười Lục, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật tự nhiên rốt ráo, vô vi đạt đến thanh tịnh, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như thân thanh tịnh thì không có sở hữu, cái tôi ta ấy là hư vô, không có thật, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như vậy, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như không biết, không thấy tức là thanh tịnh, không có dấu vết, thì cái không biết không thấy là hư vô không có, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như mặt trời trên hư không chiếu đến chỗ tối tăm, không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát. Ví như khi lửa nổi lên trong kiếp thiêu, phá hoại đất trời thành tro bụi, tất cả vạn vật đều chẳng còn gì, chẳng biết dấu vết chỗ nào, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tuân theo giới pháp không có hủy cấm, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như vậy, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có Tam-muội định chí không rối loạn, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác được giải thoát, không có dấu vết không giải thoát, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác giải thoát tuệ tri kiến, không có dấu vết không giải thoát tuệ tri kiến, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như vậy, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như đối với ánh sáng của Như Lai thì ánh sáng của mặt trời, mặt trăng đều không dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như ánh sáng của bốn Đại Thiên vương, trời Đao-lợi, trời Đâu-thuật, trời Diêm không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như ánh sáng của trời Ni-ma-la, trời Ba-la-ni-mật và cảnh giới ma đối với ánh sáng của Như Lai, đều không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế, không có ý nghĩa của Bồ-tát.

Ví như ánh sáng của trời Phạm, trời Phạm Ca-di, trời Phạm cụ, trời Hữu quang, trời Thiếu quang, trời Vô lượng quang, trời Quang âm, trời Thanh tịnh, trời Thiếu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Nan cập tịnh, trời Thiện kiến, trời Sở kiến thiện, trời Ư thị kiến, trời Nhất thiện, đối với ánh sáng của Như Lai, không có dấu vết, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như vậy, không có ý nghĩa của Bồ-tát. Vì sao?

Này Tu-bồ-đề! Gọi đạo tâm và Bồ-tát, có ý nghĩa là danh hiệu của Bồ-tát là đối với tất cả pháp, không có thuận hay chẳng thuận, không có nên hoặc chẳng nên, không có có hoặc chẳng có, không có sắc nào mà chẳng thấy, cũng không có đối tượng nắm bắt, đó là nhất tướng, gọi là không có tướng.

Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp mà muốn không có sự chấp trước thì nên học như thế. Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp, chẳng nên hiểu biết ý nghĩa tất cả pháp.

Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Tất cả pháp là gì? Tại sao Đại Bồ-tát đối với

tất cả pháp không có chỗ chấp trước thì nên học? Tại sao Đại Bồ-tát chẳng nên hiểu biết ý nghĩa các pháp?

Phật bảo Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Gọi tất cả pháp tức là các việc thiện hoặc việc bất thiện, có thể phân biệt việc thế gian, việc xuất thế gian, có các lậu, không có các lậu, hữu vi, vô vi, có oán địch, không có oán địch.

Này Tu-bồ-đề! Đó gọi là tất cả pháp. Đại Bồ-tát đối với các pháp ấy, chẳng nên có sự chấp trước, do đó phải học. Đó là Đại Bồ-tát rõ tất cả pháp mà không hiểu biết.

Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Pháp nào là pháp thiện ở thế gian?

Đức Phật bảo Hiền giả Tu-bồ-đề:

–Pháp thiện ở thế gian là hiếu thuận cha mẹ, phụng sự Sa-môn, Phạm chí, tôn kính người già cả, bố thí công đức, tu theo giới kinh, khuyến niệm công đức, có sự tu tập, thiện quyền phương tiện. Mười điều thiện là căn bản việc làm trong thế gian, các định tưởng như tưởng về sự hư rã, tưởng về uế trước, tưởng về sự tan hoại, tưởng về sự nuốt ăn, tưởng về sự rối loạn, tưởng về sự không vững chắc, tưởng về sự thiêu đốt. Rồi khởi quán: bốn Thiên, bốn Đẳng, bốn Định vô sắc, niệm Phật, niệm Pháp và niệm Thánh chúng, niệm cấm giới, niệm bố thí, niệm Thiên, niệm hơi thở ra vào tĩnh lặng, tâm chí đặt ở thân, niệm già, bệnh, chết.

Này Tu-bồ-đề! Đó là pháp thiện thế gian.

Những gì là pháp bất thiện thế gian?

Sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, hai lưỡi, nói ác, thêu dệt, tham, ganh ghét, tà kiến là mười việc ác. Đó là pháp bất thiện thế gian.

Những gì là pháp chẳng phân biệt?

Đó là chẳng có thể phân biệt việc làm của thân, chẳng có thể phân biệt lời nói của miệng, chẳng có thể phân biệt ý nghĩ của tâm, chẳng có thể phân biệt gốc của bốn đại, chẳng có thể phân biệt nguồn gốc của năm Căn, chẳng có thể phân biệt chỗ ở của sáu suy, chẳng có thể phân biệt việc của sắc ấm, các chủng, các nhập, chẳng phân biệt được chỗ quay về của thiện ác. Đó là pháp chẳng phân biệt, gọi là pháp thế gian. Sự việc của năm ấm và mười hai nhập, mười tám chủng, mười việc thiện, bốn Thiên, bốn Đẳng tâm, bốn Định vô sắc. Đó là pháp thiện thế gian.

Những pháp nào có thể gọi là pháp vượt thế gian?

Đó là bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo và ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện. Không có pháp đặc thù và sai biệt nào khác hơn là căn dị căn và các biệt căn, Tam-muội Sở niệm sở hành, Tam-muội Vô niệm sở hành chí thú, Tam-muội Vô niệm vô hành, dùng tuệ giải thoát, tâm được an tường. Tâm niệm tùy thuận tám môn giải thoát.

Những gì là tám?

Quán sắc trên các sắc, đó là môn giải thoát thứ nhất.

Bên trong không có tướng sắc mà quán sắc bên ngoài, tuy trụ không mà không giải thoát, thì chẳng thể vượt tất cả các tướng, đó là môn giải thoát thứ hai.

Đắc các tướng ngay nơi cội gốc, không có nhiều tạp niệm, đó là môn giải thoát thứ ba.

Hành hư không là vô lượng, thành tựu hư không, đó là môn giải thoát thứ tư.

Vượt qua được hết tất cả hư không, trí hư không trụ ở việc hành tuệ thức vô lượng

và được thành tựu, đó là môn giải thoát thứ năm.

Vượt qua được trời trí tuệ vô lượng và trụ ở tuệ vô hữu vô lượng, thành tựu các hạnh, đó là môn giải thoát thứ sáu.

Vượt qua tất cả, không dùng tuệ vô lượng, trụ ở hữu tướng thành tựu các hạnh, đó là môn giải thoát thứ bảy.

Vượt qua tất cả hữu tướng vô tướng, dứt bỏ các tướng, an trú hạnh tịch nhiên, đó là môn giải thoát thứ tám.

Đó là tám môn giải thoát. Không theo thiền, cũng chẳng học định, dần dần tiến tới nhập vào Tam-muội.

Sao gọi là dần dần tiến tới nhập vào Tam-muội? Tịch nhiên đối với dục, dứt trừ các pháp ác bất thiện có tướng có hành tịch mịch được an. Hành tầng thiền thứ nhất, trừ tướng niệm, không tướng không niệm, bên trong an tường, vắng lặng được an. Hành tầng thiền thứ hai, thường được an ổn, không có tỳ vết, việc lập hạnh không trái với Thánh hiền, hoan hỷ an vui. Hành tầng thiền thứ ba, dứt khổ, trừ an mà trước đây đã từng tiếp xúc, ý an hay ý hoạn, các việc có thể hay chẳng thể đều diệt hết, không khổ, không an, tâm chí tịch nhiên, thanh tịnh. Hành tầng thiền thứ tư, ngay khi ấy vượt qua tất cả tướng sắc, trừ các niệm tướng đã có, không còn các nghĩ tướng nào khác. Khi ấy đối với tuệ vô lượng hư không, đầy đủ hạnh, vượt qua tất cả các tuệ hư không, đối với tuệ vô lượng thức, đầy đủ hạnh, vượt qua tất cả hạnh tuệ vô lượng thức, đối với tuệ vô hữu vô lượng bất dụng, đầy đủ các hạnh, vượt qua tất cả tuệ vô lượng bất dụng rồi, đối với xứ hữu tướng vô tướng vô lượng, đầy đủ các hạnh, vượt qua tất cả hạnh hữu tướng vô tướng vô lượng rồi, dứt trừ các tướng, thành hạnh tịch diệt, siêu việt ngã sở, chẳng phải ngã sở, không khổ không vui, tất cả sự xúc phạm, Khổ, Tập, Diệt, Đạo, bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo cho đến pháp Tự nhiên không vô sở hữu, mười Lực của Như Lai, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật.

Những gì là pháp các lậu chưa hết?

Năm ấm, mười hai nhập, mười tám chủng, mười hai nhân duyên, bốn Thiền, bốn Đăng tâm, bốn Định vô sắc, đó là các pháp chưa hết lậu.

Những gì là pháp vô lậu?

Bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, đó là pháp vô lậu.

Những gì là pháp hữu vi?

Đó là cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc và các việc khác chẳng thể phân biệt, chẳng tận cội nguồn căn bản của các pháp. Ở đây sao gọi bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật là pháp hữu vi.

Sao gọi là pháp vô vi?

Pháp ấy chẳng khởi chẳng diệt, cũng không tạo tác, cũng không chỗ trụ, không có nghĩa khác. Dâm, nộ, si hết tức là vô bốn. Cái vô bốn ấy tức là không có pháp khác, nó là pháp giới, là tịch nhiên, xét bản thể của nó là pháp vô vi.

Những gì là pháp oán địch?

Bốn Thiền, bốn Đăng tâm, bốn Định vô sắc là pháp oán địch. Những gì là pháp không oán địch? bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý,

tám Thánh đạo, mười Lục, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật là những pháp không oán địch. Khi ấy đối với thân mình, Bồ-tát tưởng “không”, không có pháp chấp trước, hiểu rõ không có đối tượng chấp trước nên chẳng thể dao động. Đối với tất cả pháp, pháp môn để hướng đến không có hai. Do không hiểu rõ các pháp nên không dao động.

Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì nhân duyên gì mà gọi Bồ-tát là Đại Bồ-tát?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát là bậc trừ các tích tụ đạt được rốt ráo, là bậc Tối tôn có sự thành tựu. Vì vậy gọi là Đại Bồ-tát.

Hiền giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sở dĩ được gọi là Đại Bồ-tát là do lìa tích tụ mà đạt được rốt ráo. Vị Đại Bồ-tát ấy là bậc Tối tôn có sự thành tựu.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đối với Đại Bồ-tát, các tích tụ là chủng tánh, gồm tám hạng người: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát mới phát tâm cho đến trụ địa không thoái chuyển. Vị Đại Bồ-tát kia ở trong cái rốt ráo của các tích tụ ấy làm hạnh Bồ-tát, ở trong đó là bậc Tối tôn có sự thành tựu. Đại Bồ-tát du hành và ở trong đó, có sự phát khởi nào thì tâm như kim cương. Đại Bồ-tát ấy ở trong sự rốt ráo của các tích tụ là bậc Tối tôn có sự thành tựu, cho nên gọi là Đại Bồ-tát.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Kính bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sao gọi là tâm như kim cương?

Đức Thế Tôn bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát phát tâm thế này: “Ở trong sinh tử không có kỳ hạn, trang nghiêm bằng thế nguyện rộng lớn, bỏ tất cả sở hữu mà chẳng bỏ. Ta sẽ dùng tâm bình đẳng đối với tất cả loài chúng sinh này, phát chí bình đẳng, sẽ dùng ba thừa đưa tất cả chúng sinh nhập Niết-bàn. Diệt độ cho tất cả loài chúng sinh rồi, cũng không thấy con người nhập Niết-bàn. Ta nên hiểu rõ tất cả các pháp, không có chỗ phát khởi nhưng nên tiếp cận trí Nhất thiết, tâm vẫn luôn giữ sáu hạnh Ba-la-mật, học khắp tất cả mà chỗ nương tựa là trí tuệ, phải học trọn vẹn, nên phân biệt hiểu biết pháp nhất thừa. Lại nên, hiểu rõ không thể kể xiết các âm thanh nhập từ đâu.” Học các pháp này, đó là Đại Bồ-tát phát tâm Kim cương. Chỗ trụ của Đại Bồ-tát mà được rốt ráo thì đó là bậc Tối tôn có sự thành tựu, không còn điên đảo, cũng không sở đắc.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát phát tâm thế này: “Có chúng sinh nào ở chốn địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh bị tra khảo đau đớn khổ sở, thì ta sẽ vì loài chúng sinh này mà chịu khổ nạn ấy, để cho họ được an ổn.” Đại Bồ-tát ấy sẽ phát tâm này: “Thân ta vì tất cả mọi người ở chốn địa ngục chịu nỗi khổ khảo tra đau đớn trải qua trăm ngàn ức kiếp mà không cho là kịch liệt. Ta phải làm cho những người đó đạt đến cảnh giới Vô dư Niết-bàn để được diệt độ. Dùng phương tiện, vì tất cả loài người và chúng sinh chịu biết bao nỗi khổ không bao giờ dừng nghỉ, khiến cho mọi người đạt đến cảnh giới Vô dư Niết-bàn để được diệt độ. Sau đó, thân ta cũng vì người khác mà trồng các gốc đức, ở trong ngàn ức kiếp đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Này Tu-bồ-đề! Đó là Đại Bồ-tát phát tâm Kim cương. Chốn an trú của Đại Bồ-tát ấy, đối với các tích tụ mà được rốt ráo là bậc Tối tôn có sự thành tựu.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thường nên tu tập tạo lập tâm vi diệu, nên dùng tâm này khiến chúng sinh đạt đến chỗ tôn quý. Cái gọi là tâm vi diệu của Đại Bồ-tát kia là từ khi mới phát tâm, chưa từng khởi tâm dâm dục, lại cũng chẳng khởi tâm sân hận, lại cũng chẳng sinh tâm ngu si, tâm không khởi điều gì, không phát khởi tâm Thanh văn, Bích-chi-phật.

Này Tu-bồ-đề! Đó là Đại Bồ-tát tu hành, tạo lập tâm vi diệu, khiến cho các chúng sinh thành bậc Tối tôn, có sự thành tựu nhưng cũng không nghĩ đến.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thường nên tạo lập tâm khiến không dao động. Tâm của vị Đại Bồ-tát kia bất động rồi thì cái tâm tư duy về trí Nhất thiết cũng chẳng nghĩ đến. Đó là tâm chẳng dao động của Đại Bồ-tát.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tâm chí đặt ở tất cả loài chúng sinh, muốn làm cho họ được an lạc. Đại Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh tạo lập sự an lạc rồi, muốn cho họ không bỏ ba thừa, cũng không nhớ nghĩ, cũng không khinh mạn.

Này Tu-bồ-đề! Đó là Đại Bồ-tát đối với các chúng sinh, tạo lập tâm an lạc.

Này Tu-bồ-đề! Đó là Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, khiến các chúng sinh đạt đến sự thành tựu tột bậc.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát nên mền pháp, ưa pháp, thích pháp, dùng tinh tấn làm hạnh.

Sao gọi là mền pháp? Nếu đối với các pháp không sợ, không phá hoại thì đó là mền pháp.

Sao gọi là ưa pháp? Chí ưa kinh điển, chẳng lìa sự ưa thích ấy, đó là ưa pháp.

Sao gọi là thích pháp? Tư duy về pháp, phân biệt nhiều, nghe rộng, đó là thích pháp.

Này Tu-bồ-đề! Đó là Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật gọi là Đại Bồ-tát, đối với các tích tụ đạt đến rốt ráo, là bậc Tối tôn có sự thành tựu, không có điên đảo, cũng không sợ đắc.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật trụ ở pháp nội không, trụ ở pháp ngoại không, trụ ở pháp nội ngoại không, cũng không có nội ngoại, cho đến pháp tự nhiên vô sở hữu không, gọi là Đại Bồ-tát, đối với các tích tụ đạt được sự rốt ráo, là bậc tối tôn có sự thành tựu, không có sự điên đảo, cũng không sợ đắc.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, trụ bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thân tức, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật. Trụ ở những pháp này gọi là Đại Bồ-tát, đối với các tích tụ đã đạt được rốt ráo, là bậc Tối tôn có sự thành tựu, không bị điên đảo, cũng không sợ đắc.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát kiến lập và trụ Tam-muội Kim cang, siêu việt vô lượng không tuệ, vô lượng thức tuệ, vô lượng bất dung tuệ, vô lượng hữu tướng vô tướng, cho đến hư vô vi không, vô sắc, các bậc định Tam-muội giới, định, tuệ, giải thoát tri kiến, Tam-muội trụ độ, gọi là Đại Bồ-tát, đối với các tích tụ đạt được cứu cánh, là bậc Tối tôn có sự thành tựu, chẳng bị điên đảo, cũng không sợ đắc.

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ những pháp này rồi, đối với sự tích tụ đạt được cứu cánh, là bậc Tối tôn có sự thành tựu, gọi là Đại Bồ-tát.